

BẢN TIN PHÁP LUẬT SỐ 01 - 2021*(Một số văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng 01/2021)*

I. LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP	3
1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)	3
2. Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)	4
3. Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)	6
4. Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu (Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2021)	11
5. Thông tư 105/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế (Thông tư này có hiệu lực từ ngày 17/01/2021)	12
II. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI	13
1. Thông tư 30/2020/TT-BCT ngày 26/11/2020 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu về phòng vệ thương mại (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 11/01/2021)	13
2. Thông tư 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương về việc quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14/01/2021)	14
3. Thông tư 05/2019/TT-BKHCN c ngày 26 /06 /2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)	14
4. Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT ngày 27/11/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2021)	15
III. LĨNH VỰC TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG.....	15
1. Thông tư 09/2020/TT-NHNN ngày 21/10/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)	15
3. Thông tư 14/2020/TT-NHNN ngày 16/11/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)	16

IV. LĨNH VỰC TƯ PHÁP	17
1. Luật Giám định tư pháp số 56/2020/QH 14 ngày 10/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giám định tư pháp 2020 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)	17
2. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội, số 58/2020/QH14 ngày 16/06/2020 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)	17
3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, số 63/2020/QH14 ngày 18/06/2020 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)..	18
4. Thông tư 92/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Thông tư này có hiệu lực 01/01/2021)	19
5. Thông tư 63/2020/TT-BCA ngày 19/06/2020 của Bộ Công an về việc quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)	20
6. Thông tư 64/2020/TT-BCA ngày 19/06/2020 của Bộ Công an về việc quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy nội địa của lực lượng Cảnh sát giao thông (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020)	20
THƯ NGỎ.....	22
Kính gửi: Quý doanh nghiệp.....	22

I. LĨNH VỰC DOANH NGHIỆP

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)

Nội dung cần lưu ý:

Phạm vi điều chỉnh:

- Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty.

Đối tượng áp dụng:

- Doanh nghiệp.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.

Chú ý: Việc áp dụng Luật Doanh nghiệp và luật khác:

- Trường hợp luật khác có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của luật đó

Điểm nổi bật:

- Bổ sung 01 đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp:
 - Bên cạnh các tổ chức, cá nhân (*không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam quy định tại Luật Doanh nghiệp 2014*), Luật Doanh nghiệp 2020 bổ sung thêm 01 đối tượng khác không được thành lập và quản lý doanh nghiệp là: Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của Bộ luật Hình sự.
- Quy định: “Tên địa điểm kinh doanh phải bao gồm tên doanh nghiệp”:
 - Ngoài quy định về chữ viết nêu tại Điều 41 Luật Doanh nghiệp 2014, quy định tại Khoản 2 Điều 40 Luật Doanh nghiệp 2020 đã bổ sung thêm yêu cầu: Tên địa điểm kinh doanh phải bao gồm tên doanh nghiệp kèm theo cụm từ “Địa điểm kinh doanh”.
- Quy định về việc Doanh nghiệp không phải thông báo mẫu dấu trước khi dùng:
 - Luật Doanh nghiệp 2021 không quy định doanh nghiệp phải thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh (*Theo khoản 2 Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2014: trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*).
 - Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về dấu bao gồm: dấu được làm tại các cơ sở khắc dấu hoặc dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch

- điện tử và chữ ký số. Doanh nghiệp được quyết định loại dấu; quyết định số lượng, hình thức và nội dung dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của doanh nghiệp.
- Quy định về việc thay đổi tỷ lệ vốn trong doanh nghiệp Nhà nước:
- Khái niệm về Doanh nghiệp Nhà nước mở rộng hơn so với Luật Doanh nghiệp 2014, bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thay vì 100% vốn điều lệ như hiện nay.
- Luật Doanh nghiệp mới quy định phân chia các loại doanh nghiệp có sở hữu Nhà nước theo mức độ sở hữu khác nhau – Xem Điều 88 Luật Doanh nghiệp 2020.
- Bỏ quy định về thời hạn sở hữu cổ phần phổ thông:
- Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã bỏ quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng tại khoản 2 Điều 114 Luật hiện hành để bảo đảm việc thực hiện các quyền của cổ đông không làm ảnh hưởng đến việc điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh bình thường của doanh nghiệp.
- Tạm ngừng kinh doanh chỉ cần báo trước 3 ngày:
- Luật Doanh nghiệp 2020 đã rút ngắn thời hạn thông báo tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày xuống còn 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh.
- Doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (khoản 1 Điều 206 Luật Doanh nghiệp năm 2020).
- Cho phép doanh nghiệp tư nhân chuyển đổi trực tiếp lên công ty cổ phần.

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

luatvietnam.vn/tin-phap-luat/thay-doi-cua-luat-doanh-nghiep-230-25624-article.html

2. Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)

 Nội dung cần lưu ý:

 Phạm vi điều chỉnh:

- Luật này quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài.

Đối tượng áp dụng:

- Luật này áp dụng đối với nhà đầu tư và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điểm nổi bật:

- Quy định về việc cấm kinh doanh dịch vụ đòi nợ:
 - Điều 6 Luật Doanh nghiệp 2020 cấm các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ đòi nợ.
- Số lượng ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện giảm :
 - Theo Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ban hành kèm theo Luật Đầu tư 2020 được giảm xuống còn 227 ngành nghề
- Bổ sung nhiều ngành, nghề ưu đãi đầu tư (Khoản 1 Điều 16)
- Thêm hình thức ưu đãi đầu tư (Khoản 1 Điều 15)
 - Các hình thức ưu đãi đầu tư áp dụng từ ngày 01/01/2021 bao gồm:
- + Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, bao gồm áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn mức thuế suất thông thường có thời hạn hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án đầu tư; miễn thuế, giảm thuế và các ưu đãi khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định; nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- + Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất;
- + Khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế (quy định mới);
- Điểm mới về chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt (Điều 20);
 - Sẽ ban hành Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với NĐT nước ngoài (Điều 9);
- Điều kiện thành lập tổ chức kinh tế tại Việt Nam của NĐT nước ngoài (Điều 22);
- Điểm mới về tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của NĐT nước ngoài trong tổ chức kinh tế thực hiện hoạt động đầu tư (Điều 23);
- Điều kiện để NĐT nước ngoài được góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của tổ chức kinh tế tại Việt Nam (Điều 24);
- Chỉ còn 4 trường hợp NĐT không phải ký quỹ để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư (Điều 43);
- Thêm nhiều đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư (Điều 15);
- Điểm mới về nơi nộp hồ sơ dự án đầu tư (Điều 34, 35, 36);

- Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Điều 38);
- Các ngành nghề đầu tư ra nước ngoài có điều kiện (Điều 54);
- Từ 01/01/2021, các NĐT Việt Nam khi đầu tư vào các ngành, nghề sau đây ở nước ngoài phải đáp ứng những điều kiện nhất định theo pháp luật:
 - Ngân hàng;
 - Bảo hiểm;
 - Chứng khoán;
 - Báo chí, phát thanh, truyền hình;
 - Kinh doanh bất động sản.
 - Điều kiện đầu tư ra nước ngoài được quy định tại luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định của Chính phủ và điều ước quốc tế về đầu tư mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://luatvietnam.vn/dau-tu/luat-dau-tu-2020-186270-d1.html>

3. Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021.

 Nội dung cần lưu ý:

 Phạm vi điều chỉnh:

- Bộ luật Lao động quy định tiêu chuẩn lao động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động; quản lý nhà nước về lao động.

 Đối tượng áp dụng:

- Người lao động, người học nghề, người tập nghề và người làm việc không có quan hệ lao động.
- Người sử dụng lao động.
- Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

 Điểm nổi bật:

- Mở rộng về đối tượng áp dụng:
 - Ngoài người lao động, người học nghề, người tập nghề; người sử dụng lao động; người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động thì bắt đầu từ ngày 01/01/2021 Bộ luật

- lao động còn áp dụng với đối tượng là người làm việc không có quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Bộ luật lao động năm 2019.
- Về hành vi người sử dụng lao động không được làm khi thực hiện hợp đồng lao động:
 - Theo những quy định tại khoản 3 Điều 17 Bộ luật lao động năm 2019 thì ngoài những hành vi giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động, yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động;
 - Theo Bộ luật lao động 2019, người sử dụng lao động cũng sẽ bị nghiêm cấm thực hiện hành vi buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động.
- Về hình thức hợp đồng lao động:
 - Giao kết HĐLĐ thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu:
 - + Theo Điều 16 Bộ luật lao động năm 2012, người lao động và người sử dụng lao động có thể giao kết hợp đồng lao động thông qua hình thức văn bản hoặc bằng lời nói.
 - + Theo quy định Khoản 1 Điều 14 Bộ luật lao động năm 2019, người lao động và người sử dụng lao động có thể giao kết hợp đồng lao động dưới hình thức thông điệp dữ liệu thông qua phương tiện điện tử.
 - Giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với hợp đồng có thời hạn dưới 01 tháng:
 - + Theo Bộ luật lao động cũ, việc giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với công việc tạm thời có thời hạn dưới 03 tháng;
 - + Từ ngày 01/01/2021 người lao động và người sử dụng lao động chỉ có thể giao kết hợp đồng lao động dưới hình thức lời nói với hợp đồng có thời hạn dưới 01 tháng.
- Về loại hợp đồng lao động:
 - Theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Bộ luật lao động năm 2012 hợp đồng lao động có 03 loại: hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng.
 - Theo quy định của Bộ luật lao động 2019 tại khoản 1 Điều 20, hợp đồng lao động chỉ còn 02 loại hình hợp đồng lao động: hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng xác định thời hạn.
- Điểm mới của bộ luật lao động về thử việc:
 - Theo khoản 3 Điều 24 Bộ luật lao động năm 2019, không áp dụng thử việc đối với người lao động giao kết hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng.

- So với Bộ luật lao động năm 2012, Bộ luật lao động năm 2019 đã có sự bổ sung quy định về thời gian thử việc với đối tượng người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp là không quá 180 ngày.
- Các trường hợp tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động:
 - Bắt đầu từ ngày 01/01/2021, người lao động và người sử dụng lao động có thể tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động trong những trường hợp -quy định tại Điều 30 Bộ luật lao động năm 2019.
 - Về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người lao động:
 - Theo quy định tại Khoản 1 Điều 35 Bộ luật lao động năm 2019, người lao động được đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với người sử dụng lao động chỉ cần báo trước một thời hạn nhất định mà không cần có lý do. Cụ thể:
 - + Ít nhất 45 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn;
 - + Ít nhất 30 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng;
 - + Ít nhất 03 ngày làm việc nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng;
 - + Đối với một số ngành, nghề, công việc đặc thù thì thời hạn báo trước được thực hiện theo quy định của Chính phủ.
 - Trường hợp người lao động được đơn phương chấm dứt HĐLĐ mà không cần báo trước:
 - + Theo quy định của Bộ luật lao động mới tại Khoản 2 Điều 35, người lao động được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mà không cần báo trước trong những trường hợp như sau:
 - + Không được bố trí theo đúng công việc, địa điểm làm việc hoặc không được bảo đảm điều kiện làm việc theo thỏa thuận;
 - + Không được trả đủ lương hoặc trả lương không đúng thời hạn;
 - + Bị người sử dụng lao động ngược đãi, đánh đập hoặc có lời nói, hành vi nhục mạ, hành vi làm ảnh hưởng đến sức khỏe, nhân phẩm, danh dự; bị cưỡng bức lao động;
 - + Bị quấy rối tình dục tại nơi làm việc;
 - + Lao động nữ mang thai phải nghỉ việc;
 - + Đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Điều 169 của Bộ luật này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
 - + Người sử dụng lao động cung cấp thông tin không trung thực làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng lao động.
- Về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động:

- Theo khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động năm 2019: Người sử dụng lao động cũng có quyền đơn phương chấm dứt HĐLĐ không cần báo trước với 02 trường hợp sau:
 - + NLĐ không có mặt tại nơi làm việc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn tạm hoãn thực hiện HĐLĐ.
 - + NLĐ tự ý bỏ việc mà không có lý do chính đáng từ 05 ngày làm việc liên tục trở lên.
- Về vấn đề tăng tuổi hưởng lương hưu với người lao động:
 - Theo quy định của Bộ luật lao động năm 2019, tại khoản 2 Điều 169, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035.
 - Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.
- Về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi:
 - Khoản 2 Điều 107 Bộ luật lao động năm 2019 đã có sự thay đổi so với Khoản 2 Điều 106 Bộ luật lao động năm 2012 về số giờ làm thêm theo tháng từ “không quá 30 giờ/tháng” lên “không quá 40 giờ/tháng” nhưng vẫn giữ mức tổng thời gian làm thêm tối đa trong năm không quá 200 giờ.
- Về Dịp Quốc khánh (được nghỉ thêm 01 ngày):
 - Theo quy định tại Khoản 1 Điều 115 Bộ luật lao động năm 2012, người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong ngày lễ Quốc Khánh là 01 ngày;
 - Theo Bộ luật lao động năm 2019, theo Khoản 1 Điều 112 người lao động được nghỉ làm việc hưởng nguyên lương trong ngày lễ Quốc Khánh là 02 ngày.
- Trường hợp người lao động được nghỉ việc riêng vẫn được hưởng nguyên lương:
 - Theo quy định mới của Bộ luật lao động năm 2019 tại khoản 1 Điều 115, người lao động được nghỉ việc riêng mà vẫn hưởng nguyên lương và phải thông báo với người sử dụng lao động trong những trường hợp sau đây:
 - + Kết hôn: nghỉ 03 ngày;
 - + Con đẻ, con nuôi kết hôn: nghỉ 01 ngày (*bổ sung*);
 - + Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi chết: nghỉ 03 ngày (*bổ sung thêm*);

- + Ngoài quy định trên, người lao động có thể thoả thuận với người sử dụng lao động để nghỉ không hưởng lương.
- Về việc trả lương, thưởng:
 - Người lao động được ủy quyền cho người khác nhận lương:
- + Khoản 1 Điều 94 Bộ luật lao động năm 2019 có quy định về nguyên tắc trả lương cho người lao động, nếu trong trường hợp người lao động không thể trực tiếp nhận lương và người sử dụng lao động cho phép, người lao động có thể ủy quyền hợp pháp cho người khác nhận lương thay cho mình.
- + Lưu ý: việc ủy quyền này phải đảm bảo được sự đồng ý của người sử dụng lao động cũng như việc người lao động ủy quyền phải là hợp pháp.
- Doanh nghiệp phải gửi bảng kê chi tiết cho người lao động:
 - Nhằm minh bạch tiền lương của người lao động, Bộ luật này yêu cầu mỗi lần trả lương, người sử dụng lao động phải thông báo bảng kê trả lương người lao động, trong đó ghi rõ: Tiền lương; Tiền lương làm thêm giờ; Tiền lương làm việc vào ban đêm; Nội dung và số tiền bị khấu trừ (nếu có).
- Doanh nghiệp phải giữ bảng kê chi tiết cho người lao động:
 - Khi trả lương, doanh nghiệp phải giữ bảng kê chi tiết cho người lao động
- Cấm ép người lao động dùng lương để mua hàng hóa, dịch vụ của công ty:
 - Theo quy định mới của Bộ luật lao động năm 2019, tại khoản 2 Điều 94, người sử dụng lao động không được hạn chế hoặc can thiệp vào quyền tự quyết chi tiêu lương của người lao động; không được ép buộc người lao động chi tiêu lương vào việc mua hàng hóa, sử dụng dịch vụ của người sử dụng lao động hoặc của đơn vị khác mà người sử dụng lao động chỉ định.
- Quy định mới về khoản phí ngân hàng khi trả lương:
 - Theo quy định tại khoản 2 Điều 49 Bộ luật lao động năm 2019, người sử dụng lao động phải trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương khi trả lương qua tài khoản cá nhân của người lao động được mở tại ngân hàng.
- Người lao động có thể được “thưởng” dưới nhiều dạng khác nhau:
 - Bộ luật Lao động 2019 quy định về “Thưởng” thay vì “Tiền thưởng” như Bộ luật cũ.

- **Khái niệm thưởng** cho người lao động cũng được mở rộng ra, có thể là tiền hoặc tài sản hoặc bằng các hình thức khác căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, mức độ hoàn thành công việc của người lao động.
- Về đối thoại tại nơi làm việc:
- Theo Bộ Luật lao động 2019: Đối thoại tại nơi làm việc định kỳ ít nhất 01 lần/năm, khi có yêu cầu của một hoặc các bên, khi có vụ việc quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36, các điều 42, 44, 93, 104, 118 và khoản 1 Điều 128 của Bộ luật lao động 2019.

✚ **Chi tiết văn bản tại link dưới:**

<https://luatvietnam.vn/lao-dong-tien-luong/diem-moi-cua-bo-luat-lao-dong-2019-562-22946-article.html>

4. Nghị định 135/2020/NĐ-CP ngày 18/11/2020 của Chính phủ quy định về tuổi nghỉ hưu (Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2021)

✚ **Nội dung cần lưu ý:**

✚ **Phạm vi điều chỉnh:**

- Nghị định này quy định chi tiết Điều 169 của Bộ luật Lao động về tuổi nghỉ hưu.

✚ **Đối tượng áp dụng:**

- Người lao động và người sử dụng lao động quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 2 của Bộ luật Lao động.
- Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến bảo hiểm xã hội.

✚ **Chi tiết văn bản tại link dưới:**

luatvietnam.vn/lao-dong/nghi-dinh-135-2020-nd-cp-quy-dinh-ve-tuoi-nghi-huu-194427-d1.html

5. Nghị định 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (Nghị định này có hiệu lực từ ngày 10/01/2021)

✚ **Nội dung cần lưu ý:**

✚ **Phạm vi điều chỉnh:**

- Nghị định này quy định về hoạt động phòng cháy và chữa cháy, tổ chức lực lượng, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy, kinh phí bảo đảm cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong hoạt động phòng cháy và chữa cháy.

 Đối tượng áp dụng:

- Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân hoạt động, sinh sống trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

 Điểm nổi bật:

- Theo Điều 8 Nghị định 136/2020/NĐ-CP , ô tô từ 04 chỗ ngồi trở lên đến 09 chỗ ngồi chỉ cần đáp ứng các điều kiện về an toàn phòng cháy, chữa cháy như sau:
- Đảm bảo điều kiện hoạt động đã được kiểm định.
- Vật tư, hàng hóa bố trí, sắp xếp trên phương tiện phải bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy.
- Nghị định này đã bỏ quy định phải có bình chữa cháy trên ô tô từ 04 chỗ đến 09 chỗ ngồi.

 Chi tiết văn bản tại link dưới (tải và xem nội dung)

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=view&org_group_id=0&type_group_id=4

5. Thông tư 105/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 03/12/2020 hướng dẫn về đăng ký thuế (Thông tư này có hiệu lực từ ngày 17/01/2021)

 Những điểm cần lưu ý: **Phạm vi điều chỉnh:**

- Thông tư này quy định chi tiết về đối tượng đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 30 Luật Quản lý thuế; cấu trúc mã số thuế; hồ sơ, thủ tục, mẫu biểu đăng ký thuế (bao gồm đăng ký thuế lần đầu; cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế, Thông báo mã số thuế; thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế; thông báo tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; chấm dứt hiệu lực mã số thuế; khôi phục mã số thuế; đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp, tổ chức) theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 30, Điều 31, 34, 36, 37, 38, 39, 40 Luật **Quản lý thuế**.

 Đối tượng áp dụng:

- Đối tượng áp dụng quy định tại Thông tư này bao gồm: Người nộp thuế; cơ quan quản lý thuế; công chức quản lý thuế; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định tại Điều 2 Luật Quản lý thuế.

 Điểm nổi bật:

- Thông tư này đã bổ sung 02 trường hợp công khai thông tin đăng ký thuế của người nộp thuế, cụ thể:
- + Người nộp thuế tạm ngừng hoạt động, kinh doanh.
- + Người nộp thuế có vi phạm pháp luật về đăng ký thuế.

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-105-2020-TT-BTC-huong-dan-dang-ky-thue-459433.aspx>

II. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI

1. Thông tư 30/2020/TT-BCT ngày 26/11/2020 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu về phòng vệ thương mại (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 11/01/2021)

 Nội dung cần lưu ý: **Phạm điều chỉnh:**

- Thông tư này hướng dẫn về việc áp dụng biện pháp tự vệ song phương, biện pháp chống bán phá giá và biện pháp chống trợ cấp để thực thi Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu.
- Các quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với hàng hóa có xuất xứ từ:
- Lãnh thổ thành viên Liên minh châu Âu;
- Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai-len; và
- Công quốc An-đô-ra; Cộng hòa San Ma-ri-nô.

 Đối tượng điều chỉnh:

- Các cơ quan quản lý nhà nước của Việt Nam có thẩm quyền điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp phòng vệ thương mại để thực thi Hiệp định.
- Các thương nhân, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến việc điều tra, áp dụng và xử lý biện pháp phòng vệ thương mại để thực thi Hiệp định.

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-30-2020-TT-BCT-huong-dan-Hiep-dinh-Thuong-mai-tu-do-voi-chau-Au-ve-phong-ve-thuong-mai-454527.aspx>

2. Thông tư 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương về việc quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa (Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14/01/2021)

 **Chi tiết văn bản tại link dưới:**

https://www.danang.gov.vn/web/guest/chinh-quyen/chi-tiet?id=41962&_c=100000059

3. Thông tư 05/2019/TT-BKHCN c ngày 26 /06 /2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)

 **Nội dung cần lưu ý:**

 **Phạm vi điều chỉnh:**

- Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa (sau đây viết là Nghị định số 43/2017/NĐ-CP), cụ thể như sau:
- Khoản 5 Điều 3; Điều 4; khoản 2, khoản 4 Điều 7; khoản 1, 3, 6 Điều 12; khoản 3 Điều 14; khoản 1 Điều 16; khoản 5 Điều 17;
- Khoản 5, 15 Phụ lục I; điểm 2 khoản 1, điểm 3 khoản 2 Phụ lục II; khoản 1 Phụ lục III; điểm 1 khoản 1 Phụ lục IV;

 **Đối tượng áp dụng:**

- Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

 **Chi tiết văn bản tại link dưới:**

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Thong-tu-05-2019-TT-BKHCN-huong-dan-Nghi-dinh-43-2017-ND-CP-ve-nhan-hang-hoa-421184.aspx>

 **Chi tiết văn bản tại link dưới:**

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Xuat-nhap-khau/Thong-tu-100-2020-TT-BTC-bai-bo-van-ban-quy-pham-phap-luat-trong-linh-vuc-hai-quan-458379.asp>

4. Thông tư 09/2020/TT-BKHĐT ngày 27/11/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (*Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2021*)

❖ **Nội dung cần lưu ý:**

✚ **Phạm vi điều chỉnh:**

- Thông tư này quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hoá đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Nghị định số 95/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện về đấu thầu mua sắm theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương.

✚ **Đối tượng áp dụng:**

- Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm hàng hoá thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 của Thông tư này.

✚ **Chi tiết văn bản tại link dưới:**

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Dau-tu/Thong-tu-09-2020-TT-BKHDT-lap-ho-so-moi-thau-mua-sam-hang-hoa-doi-voi-goi-thau-Hiep-dinh-CPTPP-458453.aspx>

III. LĨNH VỰC TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

1. Thông tư 09/2020/TT-NHNN ngày 21/10/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng (*Thông tư này có hiệu lực ngày 01/01/2021*)

❖ **Nội dung cần lưu ý:**

✚ **Phạm vi điều chỉnh:**

- Thông tư này quy định những yêu cầu tối thiểu về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng.

✚ **Đối tượng áp dụng:**

- Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, công ty thông tin tín

- dụng, Công ty cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Nhà máy in tiền quốc gia, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức) có thiết lập và sử dụng hệ thống thông tin phục vụ cho một hoặc nhiều hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ của tổ chức.

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://luatvietnam.vn/tai-chinh/thong-tu-09-2020-an-toan-he-thong-thong-tin-trong-hoat-dong-ngan-hang-192825-d1.html>

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://hoatieu.vn/thong-tu-10-2020-tt-nhnn-sua-thong-tu-28-2015-ve-su-dung-chu-ky-so-cua-nhnn-204047>

3. Thông tư 14/2020/TT-NHNN ngày 16/11/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/01/2021)

 Nội dung cần lưu ý:

 Phạm vi điều chỉnh:

- Thông tư này quy định về thẩm quyền, tiêu chuẩn, hồ sơ, trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm giám định viên tư pháp và việc cấp, thu hồi thẻ giám định viên tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (sau đây gọi tắt là giám định viên tư pháp); công nhận, hủy bỏ công nhận, đăng tải danh sách người giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng (sau đây gọi tắt là người giám định tư pháp theo vụ việc); quy chuẩn chuyên môn; quy trình thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

 Đối tượng áp dụng:

- Cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).
- Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng; Vụ, Cục và tương đương; Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Thong-tu-14-2020-TT-NHNN-giam-dinh-tu-phap-trong-linh-vuc-tien-te-va-ngan-hang-457880.aspx>

IV. LĨNH VỰC TƯ PHÁP

1. Luật Giám định tư pháp số 56/2020/QH 14 ngày 10/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giám định tư pháp 2020 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)

❖ **Nội dung cần lưu ý:**

- Thêm một tổ chức giám định tư pháp công lập về kỹ thuật hình sự là Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc VKSND tối cao ngoài 03 tổ chức giám định theo quy định hiện hành;
- Phòng giám định kỹ thuật hình sự thuộc VKSND tối cao thực hiện giám định về âm thanh, hình ảnh từ các dữ liệu điện tử.
- Bổ sung quy định liên quan đến việc bổ nhiệm giám định viên tư pháp:
- Người được bổ nhiệm giám định viên tư pháp được cấp thẻ giám định viên tư pháp;
- Người có thẩm quyền bổ nhiệm giám định viên tư pháp theo quy định có thẩm quyền cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp.
- Bổ sung các trường hợp miễn nhiệm giám định viên tư pháp, đơn cử như:
- Có quyết định nghỉ hưu hoặc thôi việc, trừ trường hợp có văn bản thể hiện nguyện vọng tiếp tục tham gia hoạt động giám định tư pháp và tổ chức quản lý trực tiếp có nhu cầu sử dụng phù hợp với quy định;
- Chuyển đổi vị trí công tác hoặc chuyển công tác sang cơ quan, tổ chức khác mà không còn điều kiện phù hợp để tiếp tục thực hiện giám định tư pháp;...

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Luat-giam-dinh-tu-phap-sua-doi-so-56-2020-QH14-422707.aspx

2. Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án của Quốc hội, số 58/2020/QH14 ngày 16/06/2020 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)

❖ **Nội dung cần lưu ý:**

 Phạm vi điều chỉnh:

-  Luật này quy định nguyên tắc, chính sách của Nhà nước về hòa giải, đối thoại tại Tòa án; quyền, nghĩa vụ của Hòa giải viên tại Tòa án, các bên tham gia hòa giải,

✚ đối thoại tại Tòa án; trách nhiệm của Tòa án trong hoạt động hòa giải, đối thoại; trình tự, thủ tục hòa giải, đối thoại và công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án.

✚ **Đối tượng áp dụng:**

- Hòa giải, đối thoại theo quy định của Luật này được thực hiện trước khi Tòa án thụ lý vụ án về tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động; việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính.
- Luật này không áp dụng đối với hoạt động hòa giải, đối thoại đã được luật khác quy định.

✚ **Điểm nổi bật:**

- Chi phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án do ngân sách nhà nước bảo đảm, trừ các trường hợp sau các bên tham gia hòa giải, đối thoại tại Tòa án phải chịu chi phí:
- Chi phí hòa giải đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch;
- Chi phí khi các bên thống nhất lựa chọn địa điểm hòa giải, đối thoại ngoài trụ sở Tòa án;
- Chi phí khi Hòa giải viên xem xét hiện trạng tài sản liên quan đến vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính mà tài sản đó nằm ngoài phạm vi địa giới hành chính của tỉnh nơi Tòa án có thẩm quyền giải quyết có trụ sở;
- Chi phí phiên dịch tiếng nước ngoài.

✚ **Chi tiết văn bản tại link dưới:**

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thu-tuc-to-tung/Luat-Hoa-giai-doi-thoai-tai-Toa-an-so-58-2020-QH14-395767.aspx>

3. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, số 63/2020/QH14 ngày 18/06/2020 (Luật này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)

❖ **Nội dung cần lưu ý:**

- Luật mới đã bổ sung 02 loại văn bản quy phạm pháp luật sau:
- Nghị quyết liên tịch giữa Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

- Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
- **Lưu ý:** Không ban hành Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.
- Ngoài ra, theo quy định mới này sẽ không còn:
- Thông tư liên tịch giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
- Thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Luat-Ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-sua-doi-2020-so-63-2020-QH14-402074.aspx>

4. Thông tư 92/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Thông tư này có hiệu lực 01/01/2021)

❖ **Nội dung cần lưu ý:**

 Phạm vi điều chỉnh

- Thông tư này quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí hòa giải, đối thoại tại Tòa án do ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

 Đối tượng điều chỉnh.

- Tòa án nhân dân các cấp, Hòa giải viên tại Tòa án, các bên tham gia hòa giải, đối thoại tại Tòa án.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo quy định của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Thong-tu-92-2020-TT-BTC-lap-du-toan-quan-ly-va-quyet-toan-kinh-phi-hoa-giai-doi-thoi-tai-Toa-an-458442.aspx>

5. Thông tư 63/2020/TT-BCA ngày 19/06/2020 của Bộ Công an về việc quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021)

❖ **Nội dung cần lưu ý**

✚ **Phạm vi điều chỉnh**

- Thông tư này quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ (sau đây gọi chung là tai nạn giao thông) của lực lượng Cảnh sát giao thông.

✚ **Đối tượng áp dụng**

- Công an các đơn vị, địa phương.
- Sĩ quan, hạ sĩ quan Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông; tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về giao thông đường bộ (sau đây gọi chung là cán bộ Cảnh sát giao thông).
- Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân có liên quan.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điều tra, giải quyết tai nạn giao thông.
- Thông tư 64/2020/TT-BCA của Bộ Công an về việc quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy nội địa của lực lượng Cảnh sát giao thông

✚ **Chi tiết văn bản tại link dưới**

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Thong-tu-63-2020-TT-BCA-dieu-tra-giai-quyet-tai-nan-giao-thong-duong-bo-cua-Canh-sat-giao-thong-303897.aspx>

6. Thông tư 64/2020/TT-BCA ngày 19/06/2020 của Bộ Công an về việc quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy nội địa của lực lượng Cảnh sát giao thông (Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020)

❖ **Nội dung cần lưu ý:**

✚ **Phạm vi điều chỉnh:**

- Thông tư này quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường thủy nội địa (sau đây gọi chung là tai nạn giao thông) của lực lượng Cảnh sát đường thủy, Cảnh sát giao thông.

✚ **Đối tượng áp dụng:**

- Công an các đơn vị, địa phương.

- Sĩ quan, hạ sĩ quan Cảnh sát giao thông làm nhiệm vụ điều tra, giải quyết tai nạn giao thông; tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm giao thông đường thủy nội địa (sau đây gọi chung là cán bộ Cảnh sát giao thông).
- Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân có liên quan.
- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động điều tra, giải quyết tai nạn giao thông.

 Chi tiết văn bản tại link dưới:

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-thong-Van-tai/Thong-tu-64-2020-TT-BCA-dieu-tra-giai-quyet-tai-nan-giao-thong-duong-thuy-noi-dia-Canh-sat-giao-thong-446793.aspx>

THƯ NGỎ

Kính gửi: Quý doanh nghiệp

Cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế toàn cầu, hàng loạt doanh nghiệp mới được thành lập với nhiều mô hình kinh doanh khác nhau, điều kiện giao thương giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước được đẩy lên một tầm cao mới, tạo ra những cơ hội cũng như những thách thức không nhỏ cho các doanh nghiệp.

Có một thực tế là hiện nay phần lớn các doanh nghiệp phải tập trung toàn bộ trí và lực để tìm kiếm lợi nhuận, quan tâm nhiều đến các yếu tố thương mại nên chưa giành đủ nguồn lực cho việc hoàn thiện khung pháp lý trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình. Từ đó dẫn đến các rủi ro, tranh chấp phát sinh, kéo theo những vụ kiện tụng kéo dài làm tổn hại rất nhiều đến lợi ích kinh tế cũng như uy tín của doanh nghiệp.

Với hơn 15 năm kế thừa và phát triển trong lĩnh vực tư vấn pháp luật và tham gia tố tụng, BDS LAW luôn mong muốn trở thành người bạn đồng hành cùng các doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo ra hành lang pháp lý vững chắc cho các doanh nghiệp, hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro, xử lý một cách chuyên nghiệp các vấn đề phát sinh trong hoạt động, góp phần hỗ trợ các doanh nghiệp vững tâm và tập trung vào những mục tiêu chính trên con đường phát triển của mình.

Lĩnh vực tư vấn pháp luật thường xuyên của BDS LAW cho các doanh nghiệp gồm:

1. Tư vấn soạn thảo hợp đồng mua bán, hợp đồng dịch vụ, thương mại, hợp đồng EPC, EPCC, BCC, BC...; Thẩm định tính pháp lý; Tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng.
2. Tư vấn lựa chọn mô hình tổ chức doanh nghiệp; thủ tục thành lập mới/thay đổi đăng ký hoạt động doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện; Tư vấn pháp luật về thuế.
3. Tư vấn về hoạt động chia, tách, sáp nhập doanh nghiệp; nhượng quyền thương mại.
4. Tư vấn về đầu tư; hợp tác đầu tư; chuyển nhượng dự án bất động sản.

5. Tư vấn soạn thảo điều lệ, nội quy, quy chế trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

6. Tư vấn pháp luật về đấu thầu, đầu khí, xây dựng, lao động...

Việc tư vấn được thực hiện thường xuyên, liên tục thông qua các hình thức :

1. Thư điện tử; điện thoại;
2. Bằng văn bản gửi qua đường bưu điện/Fax;
3. Trao đổi, đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp.

Với mức phí dịch vụ chỉ từ 500.000đồng/giờ khi lựa chọn dịch vụ tư vấn pháp luật thường xuyên của BDS LAW thay vì phải tổ chức, vận hành bộ phận pháp chế doanh nghiệp với chi phí tốn kém. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp sẽ được đảm bảo an toàn bởi khung pháp lý chặt chẽ thông qua hoạt động tư vấn, hỗ trợ của BDS LAW.

Ngoài dịch vụ tư vấn pháp luật thường xuyên, BDS LAW còn cung cấp dịch vụ pháp lý như: Đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp trong các quan hệ dân sự, kinh tế, hành chính và tranh tụng tại Tòa án với chi phí hợp lý theo thỏa thuận giữa các bên.

Với mục tiêu mang đến cho khách hàng dịch vụ tận tâm, chuyên nghiệp với sứ mệnh bảo vệ công lý cùng đội ngũ luật sư, chuyên viên tư vấn giàu kinh nghiệm, chuyên sâu trong các lĩnh vực tư vấn và tranh tụng, BDS LAW tự tin mang đến sự an tâm và hài lòng cho Quý doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ của chúng tôi.

Trân trọng!

Chủ tịch công ty

Luật sư LÊ NGỌC MINH